

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ U
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 21/05/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ U TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Gia Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Xuyên và bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố U tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HS ngày 5 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Công Đ; Sinh ngày 13/6/1994, tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: thôn K, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ sinh năm 1969 và bà Trương Thị N sinh năm 1971; vợ: Đặng Thị H sinh năm 1995; con: 02 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 10/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

Những người làm chứng

- Anh Trương Văn H, sinh năm: 1992; địa chỉ: thôn K, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Trương Văn Đ, sinh năm: 1969; địa chỉ: thôn K, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Anh Bàn Duy N, sinh năm: 1979; địa chỉ: thôn K, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Chị Bùi Thị L, sinh năm: 2000; địa chỉ: thôn K, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/01/2020, Trương Công Đ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố U, tự thú về hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Công Đ, Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng gồm: Thu trong tủ quần áo 06 vật hình trụ, mỗi vật dài 20 cm, vỏ ngoài bọc nilon màu cam có chữ “thuốc nổ nhũ tương 36/200g”; Thu trên nóc tủ quần áo 13 vật vỏ kim loại (màu vàng đồng), một đầu vật có đầu nối với 02 dây điện màu đỏ, chiều dài 5,5 cm, đường kính 0,7 cm.

Cùng ngày 03/01/2020, đối tượng Trương Văn H, sinh năm 1992 trú tại thôn K, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh tự nguyện đến Công an giao nộp: 07 vật hình trụ tròn, vỏ kim loại màu vàng đồng, mỗi đầu có nối 02 dây điện nhỏ màu vàng và màu đỏ, mỗi vật dài 5,5 cm, đường kính 0,7 cm.

Tại bản Kết luận giám định số 77/BKLGD-TM ngày 03/01/2020 của Phòng tham mưu Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ninh kết luận:

- 06 vật hình trụ, mỗi vật dài 20 cm, vỏ ngoài bọc nilon màu cam có chữ “thuốc nổ nhũ tương 36/200g” thu của Trương Công Đ có tổng khối lượng 1,2kg (mỗi thỏi có khối lượng 0,2kg), là thuốc nổ nhũ tương lò than (thuốc nổ công nghiệp do Việt Nam sản xuất) còn sử dụng tốt;

- 13 vật vỏ kim loại (màu vàng đồng), một đầu vật có đầu nối với 02 dây điện màu đỏ, chiều dài 5,5 cm, đường kính 0,7 cm thu của Trương Công Đ là kíp nổ điện bằng đồng (kíp điện số 8), bên trong có chứa thuốc nổ Phu mi nát Thủy Ngân (được sản xuất tại Việt Nam).

- 07 vật hình trụ tròn, vỏ kim loại màu vàng đồng, mỗi đầu có nối 02 dây điện nhỏ màu vàng và màu đỏ, mỗi vật dài 5,5 cm, đường kính 0,7 cm. giám định là kíp nổ điện bằng đồng (kíp điện số 8) bên trong có chứa thuốc nổ Phu mi nát Thủy Ngân (được sản xuất tại Việt Nam) và còn sử dụng được.

Quá trình điều tra Trương Công Đ khai nhận:

Khoảng năm 2017, khi là công nhân thợ lò làm ở Công ty TNHH một thành viên 91 thuộc Tổng công ty Đông Bắc, Đ đã nhặt được tại cửa lò được hơn 10 kíp mìn. Đ mang về nhà cất giấu trên nóc tủ. Ngày 29/12/2019, Đ đi phát cỏ cùng bố là Trương Văn Đ tại khu vực gần chùa Bù thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Đ nhặt được tại rìa đường 01 túi bên trong chứa 08 thỏi mìn. Ông Trương Văn Đ biết và đã bảo Đ mang đi nộp cho Công an nhưng Đ không mang đi nộp. Đ cất giấu đi mục đích để sử dụng vào việc đánh cá. Khoảng 17 giờ ngày 02/01/2020, Đ mang 02 thỏi mìn, 02 kíp mìn ra khu vực sân bóng của thôn mục đích để nổ thử. Đ bẻ đôi thỏi mìn, nhồi kíp mìn vào một nửa thỏi và đấu dây điện vào bình ắc quy xe

mô tô BKS 98N4-0762 của Đ gây nổ. Số thuốc còn lại, Đ mang về nhà cất trong tủ quần áo. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ đến nhà anh Trương Văn H ở cùng thôn ăn cơm. Biết anh H làm công nhân tại mỏ X91 có kíp mìn nên Đ hỏi xin kíp mìn để đi đánh cá. Anh H đồng ý, đã cho Đ 04 kíp mìn. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Đ lại mang 1,5 thỏi mìn còn lại từ chiều và 04 kíp mìn vừa xin được của anh H ra sân bóng của thôn, tiếp tục gây nổ. Việc đấu nối mìn để gây tiếng nổ là do Đoàn thử nổ chơi, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Việc Đ nổ mìn, ngoài lời khai nhận của Đ, không có người nào trực tiếp nhìn thấy, biên bản khám nghiệm hiện trường không thu được vật chứng, không rõ các dấu vết nên chưa đủ cơ sở kết luận lượng và loại vật liệu nổ Đ đã sử dụng. Do vậy không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Đ về hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ.

Trương Văn H khai nhận: Khoảng tháng 6/2019, H đi làm có thấy 11 kíp nổ ở phía trên nóc chống giằng, cửa hầm mỏ nên đã mang về nhà cất giấu. Tối ngày 02/01/2020, Đ sang nhà H ăn cơm. Đ có hỏi xin kíp nổ, H đã cho Đ 04 kíp. Sau đó Đ cầm đi đâu, làm gì, H không biết. H đã giao nộp 07 kíp nổ còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U.

Người làm chứng Trương Văn Đ khai nhận: Ngày 29/12/2019, Đ đi phát cỏ thuê cùng ông Trương Văn Đ tại khu vực gần chùa Bù thuộc xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, Đ nhặt được tại rìa đường 01 túi bên trong chứa 08 thỏi mìn. Ông Trương Văn Đ biết và đã bảo Đ mang đi nộp cho Công an, ông nghĩ Đ đã đi nộp nên không để ý nữa, ông không biết Đ chưa mang đi nộp

Quá trình điều tra đã thu giữ: vật chứng là 1,2 kg thuốc nổ công nghiệp do Việt Nam sản xuất và 20 kíp nổ. Cơ quan giám định đều đã nổ thử hết trong quá trình giám định.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 98 N4 – 0762, nhãn hiệu XINHA màu sơn nâu; 01 đăng ký xe mô tô số: 000776, biển kiểm soát 98 N4 – 0762, nhãn hiệu XINHA. Cơ quan điều tra đã tạm giữ trong thời gian chờ xử lý chuyển Chi cục thi hành án dân sự thành phố U để quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 49/ CT-VKSQN ngày 20 tháng 04 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Trương Công Đ về tội: “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự; Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: khoản 1 Điều 305; các điểm r, s khoản 1 Điều 51, điều 54, khoản 1,2,5 điều 65 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về xử lý vật chứng: - 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 000776 mang tên chủ xe: Nguyễn Văn D, biển số đăng ký: 98N4-0762 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển số đăng ký 98N4-0762, số máy RPTXH150FMG00175741, số khung RPHDCGCUM5H175741 thu giữ của bị cáo Trương Công Đ là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội

nên trả lại bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã phạm tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xác định tội đối với bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo có lời khai thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản khám xét, bản Kết luận giám định số 77/BKLGĐ-TM ngày 03/01/2020 của Phòng tham mưu Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ninh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ giữa năm 2017 đến đầu năm 2020 tại nhà Trương Công Đ ở thôn K, xã T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Trương Công Đ có hành vi cố ý tàng trữ 1,2 kg thuốc nổ nhũ tương lò than (thuốc nổ công nghiệp do Việt Nam sản xuất) và 13 kíp nổ điện bằng đồng (kíp điện số 8) bên trong có chứa thuốc nổ Phu mi nát Thủy Ngân (được sản xuất tại Việt Nam). Sau đó Đ đã đến cơ quan công an tự thú hành vi phạm tội.

[2.2] Với các chứng cứ nêu trên, kết hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ thấy có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Trương Công Đ là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đã có hành vi cố ý tàng trữ trái phép vật liệu nổ, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý các vật liệu nổ của Nhà nước nên phạm tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ được quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự ;

[2.3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo phải chịu hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự

[3.1] Về nhân thân của bị cáo thấy: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo tuy chưa bị phát giác hành vi phạm tội, bị cáo đã tự thú về hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ. Bị cáo phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3.4] Căn cứ quy định của bộ luật hình sự ; Căn cứ nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018, xét tính chất mức độ của hành vi tội phạm, nhân thân của bị cáo và động cơ mục đích phạm tội thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân tuy chưa bị phát giác hành vi phạm tội, bị cáo đã tự thú nên có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng xấu cho an ninh trật tự xã hội nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà bị cáo cải tạo tại cộng đồng cũng đủ răn đe và giáo dục

[3.5] Hình phạt Bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 305 của Bộ luật hình sự, người phạm tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo làm nghề tự do, thu nhập thấp, điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là 1,2 kg thuốc nổ công nghiệp do Việt Nam sản xuất và 20 kíp nổ cơ quan giám định đều đã nổ thử hết trong quá trình giám định nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 000776 mang tên chủ xe: Nguyễn Văn D, biển số đăng ký: 98N4-0762 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển số đăng ký 98N4-0762, số máy RPTXH150FMG00175741, số khung RPHDCGCUM5H175741 thu giữ của bị cáo Trương Công Đ là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo.

[5] Đối với Trương Văn H có hành vi tàng trữ 07 kíp nổ điện bằng đồng, số lượng vật liệu nổ chưa đủ để xử lý hình sự nên Công an thành phố U đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 305; các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 54; khoản 1,2,5 điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Trương Công Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”.

Xử phạt: Trương Công Đ 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, **thành phố U, tỉnh Quảng Ninh** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: số: 25/2020/HSST- LCCT, ngày 27 tháng 4 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đối với bị cáo Trương Công Đ, từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1, điểm a khoản 3 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự

+ Trả lại bị cáo Trương Công Đ 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số: 000776 mang tên chủ xe: Nguyễn Văn D, biển số đăng ký: 98N4-0762 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển số đăng ký 98N4-0762, số máy RPTXH150FMG00175741, số khung RPHDCGCUM5H175741.

Tình trạng những vật chứng nêu trên theo Biên bản giao vật chứng ngày 04/05/2020 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh và Chi cục thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

3. Áp dụng: điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trương Công Đ phải nộp vào ngân sách nhà nước 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. U;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an TP. U;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. U;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ;

Phạm Gia Ninh